

Số: 133/KH-THMTH

Ma Thị Hồ, ngày 04 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2025 - 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông; Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn học tiếng Bahnar, Tiếng Chăm, Tiếng Êđê, Tiếng Jrai, Tiếng Khmer, Tiếng Mông, Tiếng Mnông, Tiếng Thái;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT, ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp Tiểu học; Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học; Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học; Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động Tin học ở cấp Tiểu học; Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện CTGDPT cấp Tiểu học; Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2; Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo CTGDPT 2018 cấp Tiểu học; Công văn số 5335/BGDĐT-GDTH ngày 12/10/2022 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học lớp ghép cấp Tiểu học; Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ GDĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật;

Căn cứ Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo Quốc phòng - An ninh năm 2025, tỉnh Điện Biên; Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh về Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với

Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 1687/KH-SGDD ngày 18/6/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai tổ chức dạy học môn Tiếng Anh Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học; Công văn số 652/SGDDĐT-GDMT ngày 22/3/2023 của Sở GDĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học; Công văn số 2616/SGDDĐT-GDMNTH ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025 - 2026;

Căn cứ kết quả đạt được từ năm học 2024 - 2025 và điều kiện, tình hình thực tế của Trường PTDTBT tiểu học Ma Thì Hồ năm học 2025 - 2026;

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2025 - 2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Xã Na Sang là xã vùng cao, biên giới, thuộc diện đặc biệt khó khăn của tỉnh Điện Biên, được thành lập trên cơ sở sáp nhập các đơn vị hành chính: Na Sang, Ma Thì Hồ, Sa Lông và thị trấn Mường Chà.

Xã có diện tích tự nhiên hơn 360,15 km², dân số trên 19.500 người, gồm nhiều thành phần dân tộc cùng sinh sống như Thái, Mông, Khơ Mú, Kinh... Địa bàn rộng, địa hình đồi núi chia cắt mạnh, dân cư phân bố không tập trung, đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn. Kinh tế của xã chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp, hình thức canh tác còn lạc hậu, năng suất chưa cao; một số diện tích đã bước đầu được chuyển đổi sang trồng các loại cây công nghiệp dài ngày như chè, cà phê, mắc ca, cao su, dựa nhằm phát triển sản xuất hàng hóa tập trung.

Tỷ lệ hộ nghèo của xã vẫn ở mức cao so với mặt bằng chung của tỉnh, song đã từng bước được giảm nhờ các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

Hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu như đường giao thông, điện lưới Quốc gia, trường học, trạm y tế đã được đầu tư, từng bước đáp ứng nhu cầu đời sống và học tập của nhân dân.

Bên cạnh đó, xã có bản sắc văn hóa đa dạng, phong phú của các dân tộc, là nguồn lực quan trọng để phát triển giáo dục toàn diện cho học sinh.

Tuy nhiên, thực tế vẫn còn tồn tại những khó khăn như tình trạng việc làm thiếu ổn định, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác giáo dục tại địa phương.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025 - 2026

Trường Phổ thông Dân tộc Bán trú Tiểu học Ma Thì Hồ được thành lập ngày 05/6/2007 theo Quyết định số 525/QĐ-UBND của UBND huyện Mường Chà. Đến tháng 6/2020, trường sáp nhập với Trường Tiểu học Huổi Quang theo Quyết định số 3900/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 và tiếp tục hoạt động với tên Trường Phổ thông Dân tộc Bán trú Tiểu học Ma Thì Hồ. Sau khi sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính, hiện nay Trường PTDTBT Tiểu học Ma Thì Hồ

trực thuộc xã Na Sang, tỉnh Điện Biên.

Nhà trường hiện quản lý công tác giáo dục trên địa bàn gồm 12 điểm bản. Trong đó có 01 điểm trung tâm đặt tại bản Nậm Chim và 05 điểm trường lẻ gồm: Huổi Mý, Hồ Chim 1, Huổi Chua, Huổi Quang 1 và Huổi Quang 2. Học sinh của các bản còn lại được tập trung về học tại điểm trung tâm theo mô hình bán trú, nhằm bảo đảm điều kiện học tập, sinh hoạt và an toàn cho học sinh.

a. Thuận lợi:

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Sở Giáo dục và Đào tạo; sự phối hợp chặt chẽ của cấp ủy Đảng, chính quyền xã Na Sang. Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp được triển khai kịp thời, đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục.

Nhận thức về vai trò của giáo dục trong cộng đồng được nâng lên rõ rệt; công tác xã hội hóa giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực. Trang thiết bị phục vụ cho dạy và học từng bước được bổ sung, phần nào đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Ban giám hiệu nhà trường có tinh thần trách nhiệm cao, năng động, chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trẻ, nhiệt tình, gắn bó, đoàn kết, yên tâm công tác, luôn giúp đỡ nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với học sinh dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn đã có tác động tích cực đến việc huy động, duy trì sĩ số học sinh ra lớp.

b. Khó khăn:

Đời sống nhân dân còn nghèo, thiếu thốn, trình độ dân trí chưa đồng đều, nhiều gia đình chưa quan tâm đúng mức đến việc học tập của con em, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giáo dục.

Việc huy động học sinh chuyên cần tại một số bản còn gặp khó khăn; khả năng sử dụng tiếng Việt của học sinh dân tộc thiểu số còn hạn chế, làm ảnh hưởng đến việc tiếp thu kiến thức.

Một bộ phận giáo viên tuy đã đạt chuẩn về trình độ đào tạo nhưng năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

Cơ sở vật chất tuy đã được quan tâm đầu tư song vẫn còn nhiều thiếu thốn: thiếu phòng học chức năng, nhà ăn của học sinh; nhà vệ sinh chật hẹp, chưa đáp ứng đủ nhu cầu của học sinh.

c. Thời cơ:

Nhà trường được tiếp nhận đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của Bộ và Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai nhiệm vụ năm học.

Tình hình chính trị, an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương cơ bản

ổn định; các chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo từng bước đi vào thực tiễn, góp phần nâng cao nhận thức của nhân dân về vai trò của giáo dục.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy từ các cấp quản lý, đảm bảo các điều kiện triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với tất cả các khối lớp.

Việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trao quyền tự chủ cho nhà trường trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, của từng tổ khối và từng lớp.

Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trong xã ngày càng được nâng lên; trình độ dân trí được cải thiện; các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể địa phương quan tâm nhiều hơn đến sự nghiệp giáo dục. Hội cha mẹ học sinh thường xuyên phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ nhà trường trong việc giáo dục, chăm lo cơ sở vật chất, tạo môi trường học tập thuận lợi cho học sinh.

Xu thế phát triển của xã hội, đặc biệt là sự bùng nổ công nghệ thông tin trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 giúp cán bộ, giáo viên có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận thông tin, tài liệu, phương pháp mới, góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy và giáo dục học sinh.

d. Thách thức

Yêu cầu đổi mới giáo dục ngày càng cao, đòi hỏi học sinh phải được phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, trong khi chất lượng học tập chưa đồng đều, một bộ phận học sinh chưa chăm chỉ, ý thức học tập chưa tốt.

Một số bản trên địa bàn vẫn còn phong tục, tập quán lạc hậu; đời sống nhân dân còn khó khăn, nhiều phụ huynh đi làm ăn xa, phó mặc việc giáo dục con em cho ông bà và nhà trường.

Số lượng học sinh bán trú đông, trong khi cơ sở vật chất còn thiếu, đặt ra thách thức lớn trong việc quản lý, chăm sóc, bảo đảm an toàn cho học sinh trong quá trình học tập và sinh hoạt.

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Năm học 2025 - 2026 nhà trường có 28 lớp với 763 học sinh, bình quân học sinh trên lớp là 27,2 học sinh. 100% học sinh học 2 buổi/ngày.

Số lớp, số học sinh cụ thể như sau:

Lớp	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ dân tộc		Khuyết tật		Diện chính sách	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tổng số	763	371	48.6	750	98.3	365	47.8	7	0.9	737	96.6
Tổng	152	78	51.3	148	97.7	75	49.3	1	0.7	129	84.9

1A1	24	14	58.3	23	95.8	13	54.2		0.0	24	100
1A2	25	12	48.0	23	92.0	11	44.0	1	4.0	24	96.0
1A3	25	12	48.0	25	100	12	48.0		0.0	25	100
1A4	22	11	50.0	22	100	11	50.0		0.0	22	100
1A5	18	8	44.4	18	100	8	44.4		0.0	18	100
1A6	22	13	59.1	22	100	13	59.1		0.0		0.0
1G HC	13	6	46.2	13	100	6	46.2		0.0	13	100
1G HQ2	3	2	66.7	3	100	2	66.7		0.0	3	100
Tổng	164	85	51.8	162	98.8	84	51.2	3	1.8	164	100
2A1	29	11	37.9	28	96.6	11	37.9		0.0	29	100
2A2	29	18	62.1	28	96.6	17	58.6	1	3.5	29	100
2A3	28	18	64.3	28	100	18	64.3	1	3.6	28	100
2A4	24	13	54.2	24	100	13	54.2	1	4.2	24	100
2A5	24	13	54.7	24	100	13	54.7		0.0	24	100
2A6	18	6	33.3	18	100	6	33.3		0.0	18	100
2G HC	7	3	42.86	7	100	3	42.9		0.0	7	100
2G HQ2	5	3	60.00	5	100	3	60.0		0.0	5	100
Tổng	153	66	43.14	153	100	66	43.1	2	1.3	151	98.7
3A1	30	12	40.00	30	100	12	40.0	1	3.3	29	96.7
3A2	31	12	38.71	31	100	12	38.7		0.0	31	100
3A3	31	10	32.26	31	100	10	32.3		0.0	31	100
3A4	31	17	54.84	31	100	17	54.8	1	3.2	30	96.8
3A5	30	15	50	30	100	15	50.0		0.0	30	100
Tổng	134	67	50	132	98.51	66	49.3	1	0.8	133	99.3
4A1	33	18	54.6	31	93.94	17	51.5		0.0	32	97.0
4A2	33	18	54.6	33	100	18	54.6		0.0	33	100
4A3	34	14	41.2	34	100	14	41.2		0.0	34	100
4A4	34	17	50	34	100	17	50.0	1	2.9	34	100
Tổng	160	75	46.9	154	96.25	73	45.6		0.0	160	100

5A2	32	13	40.6	32	100	13	40.6		0.0	32	100
5A3	32	19	59.4	32	100	19	59.4		0.0	32	100
5A4	32	16	50.0	32	100	16	50.0		0.0	32	100
5A5	32	12	37.5	32	100	12	37.5		0.0	32	100
5A1	32	15	46.9	26	81.25	13	40.6		0.0	32	100

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường đủ về số lượng, tương đối đồng bộ về cơ cấu, trẻ khỏe, có năng lực và trình độ chuyên môn; luôn duy trì khối đoàn kết nội bộ, chấp hành tốt mọi nhiệm vụ được phân công, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tỷ lệ giáo viên/lớp đạt 1,36 giáo viên/lớp, tương đối đáp ứng đủ số lượng giáo viên để tổ chức học 9 buổi/tuần.

TT	Đội ngũ	Tổng số	Trình độ chuyên môn				Đăng viên	Lý luận chính trị	Thừa (+), thiếu (-)
			Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp			
1	Cán bộ quản lý	3	1	2	0	0	3	2	0
2	Giáo viên	39	1	38	0	0	28	2	-3
	- Trong đó: GV đoàn đội	1	0	1	0	0	1	0	0
3	Nhân viên	3	0	2	1	0	1	0	-2
Tổng cộng		45	2	42	1	0	32	4	-5

Nhà trường hiện còn thiếu 04 giáo viên; 02 nhân viên: 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên y tế trường học.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú.

Nhà trường có đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học tương đối đầy đủ đáp ứng yêu cầu dạy và học. 100% các phòng học và phòng chức năng là phòng học kiên cố và bán kiên cố. Tỷ lệ phòng học: 1 phòng học/1 lớp. Nhà trường có đầy đủ các phòng làm việc cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng công vụ cho giáo viên ở trung tâm và các điểm trường.

Trường có 5 điểm trường (Huổi Mí, Hồ Chim 1, Huổi Quang 1, Huổi Quang 2, Huổi Chua), mỗi điểm trường có từ 01 đến 2 lớp (lớp 1 và lớp 2). Nhà trường có 02 điểm trường có lớp ghép (ghép 1+2): Huổi Chua (13+7 học sinh); Huổi Quang 2 (3+5 học sinh).

Nhà trường có 01 khu nội trú, 01 bếp ăn, 01 khu ăn, khu tắm giặt, vệ sinh đảm bảo cho học sinh nội trú ăn ở và sinh hoạt. Nhà ăn có đầy đủ bàn ghế ăn,

khay ăn, ... theo đúng quy định, cụ thể:

STT	Cơ sở vật chất	Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Phòng học	28	15	13	0
2	Tin học	1	0	1	0
3	Ngoại ngữ	0	0	0	0
4	Mỹ thuật	0	0	0	0
5	Âm nhạc	1	0	1	0
6	Khoa học-Công nghệ	0	0	0	0
7	Phòng học đa chức năng	0	0	0	0
8	Phòng thiết bị giáo dục	1	0	1	0
9	Thư viện	1	0	0	1
10	Nhà đa năng	0	0	0	0
11	Phòng Tư vấn học đường và hỗ trợ GD khuyết tật	0	0	0	0
12	Y tế học đường	1	1	0	0
13	Phòng ở nội trú	23	23	0	0
14	Phòng ở công vụ	10	5	0	0
15	Phòng truyền thống	0	0	0	0
16	Phòng Đảng, Đoàn TN, Đội TN	0	0	0	0
17	Phòng Hiệu trưởng	1	1	0	0
18	Phòng Phó hiệu trưởng	2	2	0	0
19	Văn phòng	0	0	0	0
20	Phòng họp	1	1	0	0
21	Phòng làm việc của GV	0	0	0	0
22	Phòng Bảo vệ	0	0	0	1
23	Phòng Làm việc của NV	0	0	0	0
24	Nhà kho	1	0	0	1
25	Phòng vệ sinh	20	10	10	0
25	Nhà bếp HS bán trú	1	0	1	0
26	Kho bếp	1	0	1	0
27	Nhà ăn (dùng cho HS)	1	0	0	1

Tuy nhiên bên cạnh đó nhà trường còn một số khó khăn: Diện tích đất ở điểm trường trung tâm còn nhỏ, hẹp. Số lượng học sinh trên lớp đông, diện tích các lớp học nhỏ hẹp chưa đáp ứng được yêu cầu dạy và học. Nhà ăn của học sinh nội trú chưa đáp ứng được nhu cầu của học sinh nội trú. Nhà tắm của sinh nội trú, nhà vệ sinh ở trung tâm và các điểm trường chưa được đầu tư kiên cố. Một số các phòng học chức năng còn thiếu như: Các phòng học bộ môn: Âm nhạc, Mĩ thuật, phòng GDTC, phòng khoa học công nghệ, phòng đa chức năng...

Cơ sở vật chất bán trú chưa đáp ứng được nhu cầu của học sinh.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, là nơi đào tạo học sinh trở thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và có khát vọng vươn lên và nơi giáo viên và học sinh luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương và xu thế phát triển của đất nước. Tạo dựng môi trường học tập thân thiện, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, sáng tạo, năng động để phát huy tính chủ động, sáng tạo, tích cực có nề nếp, kỷ cương, có tình yêu thương, tinh thần đoàn kết, hợp tác, có chất lượng giáo dục để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực và tư duy của bản thân.

Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng đẩy mạnh phân cấp quản lý, tăng cường quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục. Tăng cường nền nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người, giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với gia đình - nhà trường - xã hội cho học sinh tiểu học.

Tiếp tục duy trì các tiêu chí của trường Chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ II, thư viện đạt chuẩn.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Chỉ tiêu về qui mô trường lớp:

Tổng số: 28 lớp với 763 học sinh. Trong đó:

- + Khối 1: 8 lớp: 152 học sinh.
- + Khối 2: 6 lớp: 164 học sinh.
- + Khối 3: 5 lớp: 153 học sinh.
- + Khối 4: 4 lớp: 134 học sinh.
- + Khối 5: 4 lớp: 160 học sinh.

100% học sinh trường học 02 buổi/ngày, 09 buổi/tuần; 100% học sinh khối 3,4,5 nhà trường được học môn Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ.

2.2. Chỉ tiêu về chất lượng giáo dục

a) Duy trì số lượng học sinh

- Duy trì 763/763 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học không có học sinh bỏ học giữa chừng.

b) Chất lượng giáo dục

Chất lượng giáo dục	Tổng số		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
I. Kết quả HT	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Tiếng Việt	763		152		164		153		134		160	
HTT	375	49,1	74	48,7	81	49,4	75	49,0	61	45,5	84	52,5
HT	390	51,1	78	51,3	83	50,6	80	52,3	73	54,5	76	47,5
CHT												
2. Toán	763		152		164		153		134		160	
HTT	376	49,3	75	49,3	82	50,0	75	49,0	62	46,3	82	51,3
HT	387	50,7	77	50,7	82	50,0	78	51,0	72	53,7	78	48,8
CHT												
3. Đạo đức	763		152		164		153		134		160	
HTT	397	52,0	79	52,0	86	52,4	77	50,3	73	54,5	82	51,3
HT	366	48,0	73	48,0	78	47,6	76	49,7	61	45,5	78	48,8
CHT												
4. Tự nhiên và Xã hội	469		152		164		153					
HTT	241	51,4	78	51,3	86	52,4	77	50,3				
HT	229	48,8	74	48,7	79	48,2	76	49,7				
CHT												
5. Khoa học	294								134		160	
HTT	144	49,0							64	47,8	80	50,0
HT	150	51,0							70	52,2	80	50,0
CHT												
6. LS&ĐL	294								134	,0	160	,0
HTT	140	47,6							63	47,0	77	48,1
HT	154	52,4							71	53,0	83	51,9
CHT												
7. Nghệ thuật	763		152		164		153		134		160	

[illegible]

Năng lực chung												
Tự chủ và tự học	763		152		164		153		134		160	
Tốt	375	49,1	74	48,7	82	50,0	76	49,7	61	45,5	82	51,3
Đạt	388	50,9	78	51,3	82	50,0	77	50,3	73	54,5	78	48,8
CCG												
Giao tiếp và hợp tác	763		152		164		153		134		160	
Tốt	381	49,9	75	49,3	83	50,6	82	53,6	61	45,5	80	50,0
Đạt	382	50,1	77	50,7	81	49,4	71	46,4	73	54,5	80	50,0
CCG												
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	763		152		164		153		134		160	
Tốt	372	48,8	74	48,7	81	49,4	77	50,3	60	44,8	80	50,0
Đạt	391	51,2	78	51,3	83	50,6	76	49,7	74	55,2	80	50,0
CCG												
Năng lực đặc thù												
Ngôn ngữ	763		152		164		153		134		160	
Tốt	375	49,1	74	48,7	81	49,4	75	49,0	61	45,5	84	52,5
Đạt	390	51,1	78	51,3	83	50,6	80	52,3	73	54,5	76	47,5
CCG												
Tính toán	763		152		164		153		134		160	
Tốt	376	49,3	75	49,3	82	50,0	75	49,0	62	46,3	82	51,3
Đạt	387	50,7	77	50,7	82	50,0	78	51,0	72	53,7	78	48,8
CCG												
Tin học	447						153		134		160	
Tốt	221	49,4					77	50,3	64	47,8	80	50,0
Đạt	227	50,8					76	49,7	71	53,0	80	50,0
CCG												
Công nghệ	447						153		134		160	
Tốt	219	49,0					77	50,3	64	47,8	78	48,8
Đạt	228	51,0					76	49,7	70	52,2	82	51,3
CCG												
Khoa học	763		152		164		153		134		160	
Tốt	385	50,5	78	51,3	86	52,4	77	50,3	64	47,8	80	50,0
Đạt	379	49,7	74	48,7	79	48,2	76	49,7	70	52,2	80	50,0

CCG												
Thẩm mĩ	763		152		164		153		134		160	
Tốt	389	51,0	77	50,7	87	53,0	77	50,3	64	47,8	84	52,5
Đạt	374	49,0	75	49,3	77	47,0	76	49,7	70	52,2	76	47,5
CCG												
Thể chất	763		152		164		153		134		160	
Tốt	415	54,4	82	53,9	90	54,9	82	53,6	74	55,2	87	54,4
Đạt	348	45,6	70	46,1	74	45,1	71	46,4	60	44,8	73	45,6
CCG												
III. Phẩm chất chủ yếu												
Yêu nước	763		152		164		153		134		160	
Tốt	419	54,9	82	53,9	87	53,0	82	53,6	69	51,5	99	61,9
Đạt	347	45,5	71	46,7	77	47,0	71	46,4	65	48,5	63	39,4
CCG												
Nhân ái	763		152		164		153		134		160	
Tốt	421	55,2	81	53,3	86	52,4	78	51,0	77	57,5	99	61,9
Đạt	342	44,8	71	46,7	78	47,6	75	49,0	57	42,5	61	38,1
CCG												
Chăm chỉ	763		152		164		153		134		160	
Tốt	407	53,3	78	51,3	81	49,4	82	53,6	63	47,0	103	64,4
Đạt	356	46,7	74	48,7	83	50,6	71	46,4	71	53,0	57	35,6
CCG												
Trung thực	763		152		164		153		134		160	
Tốt	419	54,9	79	52,0	83	50,6	83	54,2	74	55,2	100	62,5
Đạt	344	45,1	73	48,0	81	49,4	70	45,8	60	44,8	60	37,5
CCG												
Trách nhiệm	763		152		164		153		134		160	
Tốt	405	53,1	76	50,0	86	52,4	82	53,6	67	50,0	94	58,8
Đạt	358	46,9	76	50,0	78	47,6	71	46,4	67	50,0	66	41,3
CCG												
IV. Đánh giá KQGD	763		152		164		153		134		160	
HTXS	141	18,5	30	19,7	33	20,1	28	18,3	22	16,4	28	17,5
HTT	214	28,0	45	29,6	46	28,0	43	28,1	39	29,1	41	25,6
HT	408	53,5	77	50,7	85	51,8	82	53,6	73	54,5	91	56,9

CHT												
V. Khen thưởng	495		151		83		71		134		56	
- Cấp trường	307	62,0	72	47,7	75	90,4	63	88,7	50	37,3	47	83,9
- Cấp trên	28	5,7			8	9,6	8	11,3	6	4,5	6	10,7
VI. Chương trình lớp học	763		152		164		153		134		160	
HT	763	100	152	100	164	100	153	100	134	100	160	100
CHT												

100% HS lớp (1,2,3,4,5), được dạy học tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào hoạt động trải nghiệm và các môn học.

100% HS lớp (1,2,3,4,5), thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục STEM

100% học sinh lớp (1,2,3,4,5), được dạy lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, giáo dục Quốc phòng an ninh; khởi nghiệp; An toàn giao thông, giáo dục Bảo vệ môi trường phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu...

- Chuyển lớp thẳng: 763/763 HS, đạt: 100%

- Có 160/160 học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%

c) Các hoạt động giáo dục khác:

- 100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh dân tộc, học sinh khuyết tật được giáo viên quan tâm, hỗ trợ trong học tập; vận dụng sáng tạo nội dung chương trình phù hợp với khả năng nhận thức.

- Hỗ trợ, giúp đỡ ít nhất 15 thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn trong năm học.

- 100% học sinh được kiểm tra, đánh giá thể lực cuối năm học.

- 100% học sinh thực hiện tốt nền nếp thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường; trang phục sạch sẽ, gọn gàng; mặc đồng phục vào thứ 2,3,4,5 hàng tuần và các ngày lễ lớn.

- 763/763 học sinh đảm bảo vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường lớp học sạch sẽ = 100%

- Duy trì thường xuyên hoạt động thể dục, vệ sinh, trang trí trường lớp.

- 100% học sinh tham gia các hoạt động tập thể, trải nghiệm, ca múa hát sân trường, hoạt động GDNGLL.

- Tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa: thăm hỏi gia đình chính sách, viếng đài tưởng niệm (2 lần/năm); tổ chức trò chơi dân gian, trò chơi ngoài trời, đọc sách, thể dục thể thao.

- Triển khai ít nhất 01 mô hình trải nghiệm sáng tạo, trang bị kỹ năng công dân số cho thiếu nhi.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên đề “Mỗi tuần một câu chuyện đẹp, một cuốn sách hay, một tấm gương sáng”.

- Tổ chức hành trình “đến với địa chỉ đỏ”.

- Hoạt động phong trào - văn nghệ - thể thao:

- 100% các lớp có học sinh tham gia thi, giao lưu, hội thi của các cấp (nếu có)

- 100% học sinh tham gia hoạt động văn nghệ: hát đầu giờ, hát chuyển tiết, văn nghệ chào mừng, múa hát tập thể theo lịch.

- 100% Chi đội, Sao nhi đồng tham gia Hội khỏe Phù Đổng và các hoạt động thể dục thể thao.

- Liên đội hỗ trợ ít nhất 10-15 thiếu nhi khó khăn; duy trì ít nhất 01 điểm sinh hoạt vui chơi.

- 100% Chi đội, Sao nhi đồng đăng ký, thi và công nhận hoàn thành “Chương trình Rèn luyện đội viên”.

- 100% Chi đội, Sao nhi đồng tham gia thi đua gắn với chủ đề năm học **“Thiếu nhi Điện Biên vững bước tiến vào kỷ nguyên mới”**.

- 100% Chi đội, Sao nhi đồng tham gia hoạt động kỷ niệm Ngày thành lập Đội, hoạt động kỹ năng sống, phòng tránh đuối nước, tệ nạn xã hội, câu lạc bộ văn hóa - dân ca - dân vũ - dân nhạc.

- 100% Chi đội, Sao nhi đồng tham gia tập huấn kỹ năng, bồi dưỡng BCH Liên đội, phụ trách Sao, đội nhóm nòng cốt.

- 100% Chi đội, Sao nhi đồng tham gia hội thi vẽ tranh (nếu có).

- 100% thực hiện Đọc và làm theo báo Đội.

- Xây dựng đội cờ đỏ, sao đỏ sinh hoạt thường xuyên theo lịch, chủ đề.

- Kiện toàn bộ máy Liên đội, thúc đẩy hoạt động có chất lượng.

- * Danh hiệu, thi đua của Đội

- Phần đầu 14/14 Chi đội mạnh, 14/14 Sao nhi đồng chăm ngoan.

- Phần đầu 153/153 nhi đồng khối 3 kết nạp Đội = 100%.

- Phần đầu 763/763 học sinh đạt danh hiệu “Cháu ngoan Bác Hồ” = 100%.

- Liên đội phần đầu đạt Vững mạnh xuất sắc.

- Liên đội: Liên đội mạnh cấp tỉnh đề nghị Hội đồng đội tỉnh tặng Bằng khen.

- Có tiêu chí thi đua cụ thể, công khai tới từng ngày, tuần, tổng kết rút kinh nghiệm.

- Tổ chức hoạt động, công trình măng non chào mừng các ngày lễ lớn: 95 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Đại hội Đoàn các cấp, Đại hội Đoàn TNCS HCM tỉnh Điện Biên lần XV; 85 năm Ngày thành lập Đội TNTP Hồ Chí Minh.

- Khuyến khích học sinh tham gia các cuộc thi trực tuyến: Vioedu (khối 1-5), IOE Tiếng Anh (khối 3-5) và các vòng thi cấp trên.

- Bồi dưỡng Học sinh năng khiếu Mỹ thuật, Âm nhạc

Khối	Mỹ thuật		Âm nhạc	
	SL	%	SL	%
1	40	26,3	35	23,0
2	40	24,4	35	21,3
3	35	22,9	30	19,6
4	30	22,4	25	18,7
5	35	21,9	30	18,8
Tổng	180	23,6	155	20,3

- **Giữ vở sạch, viết chữ đẹp:**

+ Số lớp có phong trào vở sạch chữ đẹp: 28/28 lớp = 100 %

Nội dung		Số lượng học sinh (lớp) tham gia/ tỉ lệ					
		Cấp Trường		Cấp Huyện		Cấp Tỉnh	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1. Số học sinh tham gia VCD	Khối 1	30	19,7				
	Khối 2	35	21,3				
	Khối 3	38	24,8				
	Khối 4	25	18,7				
	Khối 5	38	23,8				
2. Số học sinh tham gia đấu trường VioEdu	Khối 1	10	6,6	7	4,6	6	3,9
	Khối 2	15	9,1	10	6,1	5	3,0
	Khối 3	20	13,1	12	7,8	6	3,9
	Khối 4	14	10,4	10	7,5	4	3,0
	Khối 5	21	13,1	12	7,5	5	3,1
3. Số học sinh tham gia tiếng Anh qua mạng	Khối 1	0	0,0	0	0,0		0,0
	Khối 2	3	1,8	2	1,2	1	0,6
	Khối 3	14	9,2	10	6,5	5	3,3
	Khối 4	19	14,2	10	7,5	8	6,0
	Khối 5	19	11,9	12	7,5	7	4,4

- **Các cuộc thi, hội thi, giao lưu**

+ Tham gia viết thư quốc tế UPU: 135 bài

+ Tham gia vẽ tranh ý tưởng trẻ thơ: 76 bài.

- + Thi sáng tạo dành cho thanh thiếu niên, nhi đồng: 02 sản phẩm.
- + Tham gia các hội thao của học sinh (nếu có)

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

- Thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026:

+ Học kì I (có 18 tuần thực học; còn lại dành cho các hoạt động khác): Bắt đầu từ ngày 08/9/2025; kết thúc học kỳ I ngày 16/01/2026.

+ Học kì II (có 17 tuần thực học; còn lại dành cho các hoạt động khác): Bắt đầu từ ngày 19/01/2026 hoàn thành kế hoạch giáo dục học kỳ II ngày 22/5/2026. Ngày kết thúc năm học: Ngày 31/5/2026.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT.

* **Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học:** Thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TTBGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT; xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn tại Công văn số 3036/BGDĐTGDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT với hình thức linh hoạt, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của nhà trường, địa phương đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục.

- Trong trường hợp xảy ra bất thường như: Rét đậm, lũ lụt, thiên tai, dịch bệnh,... nhà trường sẽ báo cáo bằng văn bản để Phòng giáo dục xem xét, tổng hợp báo cáo các cấp cho học sinh nghỉ học. Thời gian nghỉ học của học sinh sẽ được bố trí dạy bổ sung vào các buổi chiều trong các tuần tiếp theo.

* **Tổ chức dạy học tiếng Anh:** Dạy học tiếng Anh tự chọn: Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình tiếng Anh tự chọn 2 tiết/tuần đối với lớp 2A1, 2A2 với tổng số 58 học sinh, bảo đảm các yêu cầu được quy định trong Chương trình làm quen với tiếng Anh ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT, Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo Chương trình GDPT 2018 và các quy định hiện hành.

Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để tổ chức cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 học tiếng Anh theo CTGDPT 2018. Triển khai thực hiện kế hoạch số 160/KH-BGDĐT ngày 19/02/2024 của Bộ GD&ĐT về việc triển khai sử dụng Hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học đầu tư theo Quyết định số 4374/QĐ-BGDĐT ngày 19/11/2021 của Bộ GD&ĐT; Kế hoạch số 1687/KH-SGDĐT ngày 18/6/2024 của Sở GD&ĐT. Tiếp tục tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh, tham gia học tiếng Anh qua truyền hình, trực tuyến và các phương tiện truyền thông phù

hợp khác; đẩy mạnh thực hành tiếng Anh qua các hoạt động giao tiếp, đọc truyện, trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu tiếng Anh.

*** *Tổ chức dạy học môn Tin học:*** Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ GDĐT về việc tổ chức dạy học môn tin học chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học). Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn tại công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT ngay từ lớp 1 nhằm hình thành các kỹ năng cần thiết cho công dân số, làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3,4,5.

*** *Thực hiện dạy tiếng dân tộc Mông:*** Thực hiện Chương trình tiếng Mông tự chọn ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với học sinh lớp 3,4,5 của nhà trường.

Thực hiện dạy môn tiếng Mông 2 tiết/tuần đối với khối 3 và khối 4. Thực hiện dạy môn tiếng Mông 1 tiết/tuần đối với khối 5 (giảm 01 tiết/tuần so với quy định, nhằm phù hợp với tình hình số lớp và đội ngũ giáo viên tiếng Mông của nhà trường).

Giáo viên phụ trách môn tiếng Mông căn cứ vào nội dung từng bài học, xây dựng kế hoạch giảng dạy phù hợp, đảm bảo lồng ghép và tích hợp hợp lý để rút gọn còn 01 tiết/tuần nhưng không được cắt xén các kiến thức trọng tâm, nội dung cơ bản theo yêu cầu của chương trình đối với khối lớp 5.

Trong quá trình thực hiện, giáo viên cần lựa chọn hình thức tổ chức dạy học linh hoạt, hiệu quả, chú trọng rèn kỹ năng nghe - nói - đọc - viết cho học sinh, đồng thời tăng cường sử dụng phương pháp dạy học tích cực để đạt mục tiêu bài học.

*** *Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương:*** Nội dung giáo dục địa phương lớp (1,2,3,4,5) tỉnh Điện Biên thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 99/SGDDĐT-GDTH ngày 19/01/2021 của Sở GD&ĐT. Ngoài số tiết soạn giảng riêng (HKI dạy 12 tiết, HKII dạy 10 tiết) cần dạy học tích hợp nội dung giáo dục địa phương trong các môn học và môn hoạt động trải nghiệm.

Chủ đề thiên nhiên và con người địa phương trong Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 tỉnh Điện Biên được thực hiện với thời lượng 4 tiết trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung "Địa phương và các vùng miền của Việt Nam" trong Chương trình GDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lý lớp 4.

*** *Nhà trường xây dựng phương án thực hiện chương trình giáo dục khi có tình huống thiên tai, dịch bệnh xảy ra.***

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
I. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	T. Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	T. Anh	-	-	-	-	-	-	140	72	68	140	72	68	140	72	68
4	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
5	TN&XH	70	36	34	70	36	34	70	36	34	-	-	-	-	-	-
6	LS&ĐL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	70	36	34	70	36	34
7	Khoa học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	70	36	34	70	36	34
8	Tin học	-	-	-	-	-	-	35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	GDTC	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
10	Công nghệ							35	18	17	35	18	17	35	18	17
11	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
12	Mĩ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
13	HĐTN	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
14	TC TV	-	-	-	35	18	17	35	18	17	-	-	-	-	-	-
15	Độc sách tại TV	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
16	GD địa phương	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10
II. Môn học tự chọn																
1	Tiếng Mông	-	-	-	-	-	-	70	36	34	70	36	34	35	18	17
2	Tiếng Anh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng số tiết/năm học (không kể các môn học tự chọn)		932	480	452	967	498	469	1072	552	520	1107	570	537	1107	570	537
Số tiết trung bình/tuần (Không kể các môn học tự chọn)		27			28			31			32			32		
Số tiết tự chọn/tuần								2			2			1		
Số tiết/tuần		27			28			33			34			33		
Số buổi dạy/tuần		9			9			9			9			9		
Tổng số tiết/năm học		932			967			1142			1177			1142		

* Dạy học tăng cường tiếng việt cho học sinh lớp Một 72 tiết đã thực hiện xong (từ ngày 11/8/2025 đến ngày 28/8/2025)

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

Phụ lục 1.2

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
9	Khá phẩm bản thân	Làm quen với sinh hoạt dưới cờ	Tập trung toàn trường	Sáng ngày 08/09/2025 (tiết 1)	TPT	- TPTĐ - BGV,NV.
		Tuyên truyền ATGT và tìm hiểu an toàn trường học	Tập trung toàn trường	Sáng ngày 15/09/2025 (tiết 1)	TPT GVCN	- BGH - Cty Honda Linh Nam - CBGV, NV
10	Nếp sống	- Hướng ứng “Tuần lễ học tập suốt đời” – Văn hóa đọc. - Đêm hội trăng rằm (15/8 âm lịch).	Tập trung toàn trường	- Sáng ngày 06/10/2025 (tiết 1) - 19h – 21h ngày 06/10/2025	TPT	- CBGV
		Giáo KN công dân số: “Học cách trở thành công dân số thông minh và an toàn”	Tập trung toàn trường	Sáng ngày 20/10/2025 (tiết 1)	GV Tin học	- TPTĐ - CBGV,NV. - ĐDCMHS
11	Yêu trường, mến lớp	Phát động tổ chức về truyền thống tôn sư trọng đạo và hội diễn văn nghệ chào mừng 20/11	Tập trung toàn trường	Sáng ngày 03/11/2025 (tiết 1)	TPTĐ	- TPTĐ - CBGV,NV.
		- Hội diễn văn nghệ chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam. - Trưng bày sản phẩm tri ân thầy cô.	Tập trung toàn trường	Sáng ngày 17/11/2025 (tiết 1)	- GV ÂN - GV Mthuật -CLB tiếng Anh.	- TPTĐ - CBGV,NV. - ĐDCMHS

12	Tự phục vụ bản thân	Tìm hiểu về những người có công với quê hương, đất nước – Tập làm chủ bộ đội.	Tập trung toàn trường	Sáng ngày 15/12/2025 (tiết 1)	TPTĐ	- BGH - TPTĐ - CBGV,NV
		Rung chuông vàng 22/12	Tập trung toàn trường	Sáng ngày 22/12/2025 (tiết 1)	TPTĐ	- TPTĐ - CBGV,NV
1	Mái ấm gia đình	Ngày hội tiếng Anh	Tập trung toàn trường	Sáng ngày 12/01/2026 (tiết 1)	TPTĐ - CLB tiếng Anh	- BGH - TPTĐ - CBGV,NV - BĐCMHS
		Mùa xuân trên QH em, tìm hiểu về các lễ hội ở Điện Biên	Tập trung theo khối	Sáng ngày 19/01/2026 (tiết 1)	TPTĐ	- BGH - TPTĐ - CBGV,NV - BĐCMHS
2	Tự chăm sóc và bảo vệ bản thân	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm "Vui xuân đón Tết"	Tập trung toàn trường	Sáng ngày 02/02/2026 (tiết 1)	GVCN	- TPTĐ - CBGV,NV
3	Chia sẻ cộng đồng	Chơi trò chơi dân gian. (Khai Xuân)	Tập trung toàn trường	Sáng ngày 24/02/2026 (tiết 1)	GVCN	- TPTĐ - CBGV,NV
		Chủ đề: Chào mừng ngày quốc tế 8/3. Làm thiệp chúc mừng cô, mẹ, bà nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3	Tập trung toàn trường	Sáng ngày 02/03/2026 (tiết 1)	TPTĐ GV MT	- TPTĐ - CBGV,NV
		- Tham gia hưởng ứng phong trào “Giờ trái đất”. - Giao lưu văn nghệ chủ	Tập trung toàn trường	Sáng ngày 23/03/2026 (tiết 1)	- TPTĐ - GVÂN	- TPTĐ -CBGV,NV

		đề "Vì môi trường xanh"				
4	Môi trường quanh em	Hát, đọc thơ, kể chuyện về quê hương, đất nước.	Tập trung toàn trường	Sáng ngày 04/04/2026 (tiết 1)	- TPTĐ - NV Thư viện	- TPTĐ - CBGV,NV
		HĐTN theo sách 1, 2, 3, 4, 5.	Tập trung toàn trường	Sáng ngày 13/04/2026 (tiết 1)	GVCN	- TPTĐ - CBGV,NV
		Ngày sách và văn hoá đọc VN lần thứ 5	Tập trung toàn trường	Sáng ngày 20/04/2026 (tiết 1)	- TPTĐ - GVÂN	- TPTĐ - CBGV,NV
5	Em tìm hiểu nghề nghiệp	Kỷ niệm sinh nhật Bác Hồ với chủ đề "Hoa thơm dâng Bác?"	Tập trung toàn trường	Sáng ngày 18/05/2026 (tiết 1)	TPTĐ	- TPTĐ - CBGV,NV

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường.

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Thể dục	Thể dục	Học sinh bán trú / Tập trung	Các ngày trong tuần Từ 5 giờ 30 phút đến 5 giờ 45 phút	Khu nội trú	Thể dục
2	Vệ sinh	Vệ sinh cá nhân + phòng ở	Học sinh bán trú / Tập trung	Các ngày trong tuần Từ 5 giờ 45 phút đến 6 giờ 15 phút	Khu nội trú	Vệ sinh
3	Tổ chức ăn	Ăn sáng	Học sinh bán trú / Tập trung	Các ngày trong tuần Từ 6 giờ 15 phút đến 6 giờ 30 phút	Nhà ăn	Tổ chức ăn
4	Đọc sách tại thư viện	Hoạt động đọc sách tại thư viện	Học sinh bán trú / Tập trung	Thứ 2+4 Từ 16 giờ 30 đến 17 giờ 15 phút	Thư viện	Đọc sách tại thư viện
5	Vui chơi tự do trong	Vui chơi tự do	Học sinh bán trú / Tập trung	Các ngày trong tuần Từ 10 giờ 30 phút đến	Sân trường	Vui chơi tự do trong khuôn viên

	khuôn viên nhà trường			10 giờ 45 phút		trường
6	Nghỉ trưa	Ngủ	Học sinh bán trú / Theo phòng	Các ngày trong tuần Từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút	Phòng ở nội trú	Nghỉ trưa
7	Các trò chơi + thể thao	Chơi trò chơi + thể thao theo ý thích	Học sinh/ Tập trung	Thứ 3 + 5 Từ 16 giờ 30 phút đến 17 giờ 15 phút	Sân trường	Các trò chơi, thể thao
8	Vệ sinh cá nhân	Tắm + Giặt	Học sinh bán trú / Tập trung	Các ngày trong tuần Từ 17 giờ 15 phút đến 18 giờ	Khu nội trú	Vệ sinh cá nhân
9	Tổ chức ăn	Ăn tối	Học sinh bán trú / Tập trung	Các ngày trong tuần Từ 18 giờ 00 phút	Nhà ăn	Tổ chức ăn
10	Xem ti vi	Xem ti vi	Học sinh bán trú/ Tập trung	Các ngày trong tuần Từ 18 giờ 45 phút đến 19 giờ 30 phút	Nhà ăn	Xem ti vi
11	Tự học	Học	Học sinh bán trú/ Nhóm lớp	Các ngày trong tuần Từ 19 giờ 30 phút đến 21 giờ 00 phút	Trên lớp	Tự học
12	Ngủ	Ngủ nghỉ	Học sinh bán trú/ Theo phòng	Các ngày trong tuần Từ 21 giờ	Phòng ở nội trú	Ngủ

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường

Thực hiện dạy học các môn học và các hoạt động giáo dục tại 05 điểm trường lẻ: Huổi Mý, Hô Chim 1, Huổi Chua, Huổi Quang 1, Huổi Quang 2 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 kèm theo Quyết định số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo nội dung KHGD nhà trường đã xây dựng tại phụ lục 1.1.

Thực hiện các hoạt động giáo dục tập thể theo kế hoạch giáo dục nhà trường đã xây dựng. Các hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày được tổ chức phù hợp với điều kiện cụ thể từng điểm trường. Chủ yếu tập trung vào các hoạt động vui chơi, giáo dục kỹ năng sống, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống,...

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 - 2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh về Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Ngày tựu trường: HS lớp 1: ngày 11/8/2025; HS lớp 2, 3, 4, 5: Ngày 29/8/2025.

Ngày khai giảng: Ngày 05/9/2025.

Học kỳ I: Từ ngày 08/9/2025, kết thúc học kỳ I ngày 16/01/2026 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Từ ngày 19/01/2026, hoàn thành kế hoạch giáo dục học kỳ II ngày 22/5/2026 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Kết thúc năm học: Trước ngày 31/5/2026.

Trong trường hợp xảy ra bất thường như: Rét đậm, lũ lụt hoặc thiên tai khác, các trường báo cáo bằng văn bản, điện thoại để Phòng giáo dục xem xét cho học sinh nghỉ học. Thời gian nghỉ học của học sinh sẽ được bố trí dạy bổ sung vào các buổi chiều trong các tuần tiếp theo.

Tại trường PTDTBT TH Ma Thi Hồ thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 - 2026 cụ thể như sau:

*** Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần đối với các khối lớp từ 1 đến 5: (Theo quy định của Bộ GD&ĐT)**

TT	Môn học và Hoạt động giáo dục	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Ghi chú
		Theo TT32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT32	Tăng thêm	Theo TT32	Tăng thêm	Theo TT32	Tăng thêm	
1	Tiếng Việt	12	1	10		7		7		8		
2	Toán	3	1	5	1	5		5		5		
3	Đạo đức	1		1		1		1		1		
4	TN&XH	2		2		2						
5	Khoa học							2		2		
6	LS&ĐL							2		2		
7	Nghệ thuật											
	+ Âm nhạc	1		1		1		1		1		
	+ Mỹ thuật	1		1		1		1		1		

8	Kỹ thuật									1		
9	GDTC	2		2		2		2		2		
10	HĐTN	3		3		3						
11	Tiếng Anh					4		4		4		
12	Tin học, Công nghệ					2		2		2		
13	Tiếng Mông					2		2		1		
14	Tăng cường TV	1		1		1						
15	Độc thư viện	1		1		1		1		1		
16	GDDP	1		1		1		1		1		
Tổng		28		28		33		34		33		
Tổng chung/tuần		28 tiết		28 tiết		33 tiết		34 tiết		33 tiết		

*** Khung thời gian hoạt động trong ngày:**

- Khu trung tâm

Buổi	Nội dung học tập và sinh hoạt	Thời gian
Buổi Sáng (thứ Hai, Ba, Tư, Năm)	Trông báo	6giờ 30phút
	Vệ sinh trường lớp	6giờ 45phút - 7giờ 10phút
	Tập thể dục + Truy bài + đọc 5 điều Bác Hồ dạy + chăm cờ	7giờ 10phút - 7giờ 30phút
	Tiết 1	7giờ 30phút - 8giờ 10phút
	Tiết 2	8giờ 10phút - 8giờ 50phút
	Ra chơi tập thể dục, ca múa hát	8giờ 50phút - 9giờ 10phút
	Tiết 3	9giờ 10phút - 9giờ 50phút
	Tiết 4	9giờ 50phút - 10giờ 30phút
	Tan học	10giờ 30phút
Buổi Sáng (thứ Sáu)	Trông báo	6giờ 30phút
	Vệ sinh trường lớp	6giờ 45phút - 7giờ 10phút
	Tập thể dục + Truy bài + đọc 5 điều Bác Hồ dạy + chăm cờ	7giờ 10phút - 7giờ 30phút
	Tiết 1	7giờ 30phút - 8giờ 05phút
	Tiết 2	8giờ 05phút - 8giờ 40phút
	Tiết 3	8giờ 40phút - 9giờ 15phút
	HS ra chơi, CB,GC,NV khu trung tâm họp giao ban	9giờ 15 phút - 9giờ 40phút
	Tiết 4	9giờ 40phút - 10giờ 15phút

	Tiết 5	10giờ 15phút - 10giờ 45phút
Buổi chiều (thứ Hai, Ba, Tư)	Trống báo	13giờ 30phút
	Vệ sinh lớp học, sân trường	13giờ 35phút - 14giờ 50phút
	Truy bài	13giờ 50phút - 14giờ 00phút
	Tiết 1	14giờ 00phút - 14giờ 40phút
	Tiết 2	14giờ 40phút - 15giờ 20phút
	Ra chơi	15giờ 20phút - 15giờ 50phút
	Tiết 3	15giờ 50phút - 16giờ 30phút
	Tan học	16giờ 30phút
Buổi chiều (thứ Năm)	Trống báo	13giờ 30phút
	Vệ sinh lớp học, sân trường	13giờ 35phút - 14giờ 50phút
	Truy bài	13giờ 50phút - 14giờ 00phút
	Tiết 1	14giờ 00phút - 14giờ 35phút
	Tiết 2	14giờ 35phút - 15giờ 10phút
	Ra chơi	15giờ 10phút - 15giờ 30phút
	Tiết 3	15giờ 30phút - 16giờ 05phút
	Tiết 4	16giờ 05phút - 16giờ 40phút
	Tan học	16giờ 40phút
Buổi chiều (thứ Sáu)	SHCM tổ	Tuần 1
	Họp các đoàn thể	Tuần 2
	SHCM tổ	Tuần 3
	SHCM tổ	Tuần 4 (những tháng có 5 tuần)
	Họp Hội đồng SP	Tuần cuối của tháng (tuần 4 hoặc 5)

- Các điểm trường

Buổi	Nội dung học tập và sinh hoạt	Thời gian
Buổi Sáng	Trống báo	6giờ 30phút
	Vệ sinh trường lớp	6giờ 45phút - 7giờ 10phút
	Tập thể dục + Truy bài + đọc 5 điều Bác Hồ dạy + chăm cờ	7giờ 10phút - 7giờ 30phút
	Tiết 1	7giờ 30phút - 8giờ 10phút
	Tiết 2	8giờ 10phút - 8giờ 50phút
	Ra chơi tập thể dục, ca múa hát	8giờ 50phút - 9giờ 10phút
	Tiết 3	9giờ 10phút - 9giờ 50phút

	Tiết 4	9giờ 50phút - 10giờ 30phút
	Tan học	10giờ 30phút
Buổi chiều	Trống báo	13giờ 30phút
	Vệ sinh lớp học, sân trường	13giờ 35phút - 14giờ 50phút
	Truy bài	13giờ 50phút - 14giờ 00phút
	Tiết 1	14giờ 00phút - 14giờ 40phút
	Tiết 2	14giờ 40phút - 15giờ 20phút
	Ra chơi	15giờ 20phút - 15giờ 50phút
	Tiết 3	15giờ 50phút - 16giờ 30phút
	Tan học	16giờ 30phút
Buổi chiều (thứ Sáu)	SHCM tổ	Tuần 1
	Họp các đoàn thể	Tuần 2
	SHCM tổ	Tuần 3
	SHCM tổ	Tuần 4 (những tháng có 5 tuần)
	Họp Hội đồng SP	Tuần cuối của tháng (tuần 4 hoặc 5)

- Ghi chú: Thời gian 1 tiết học từ 35 phút đến 40 phút, trong đó có dành cho thời gian chuyển giữa các tiết học

4.1. Đối với khối lớp 1:

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học 2025 - 2026 của khối lớp 1.

(Kèm theo Phụ lục 1.4 của khối lớp 1)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1.

Đối với khối lớp 1 thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức dạy học dạy học học 2 buổi/ ngày; mỗi ngày 7 tiết; mỗi tiết học 35 phút thực hiện 9 buổi/tuần = 28 tiết/tuần.

Môn Giáo dục địa phương có tổng thời lượng 22 tiết/năm học, được bố trí 01 tiết/tuần. Việc giảng dạy được thực hiện trong 12 tuần đầu của học kỳ I và 10 tuần đầu của học kỳ II. Các tuần còn lại không tổ chức dạy Giáo dục địa phương được bố trí dạy tiết tự chọn ôn tập, củng cố kiến thức các môn Toán và Tiếng Việt.

Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng được xây dựng chi tiết theo thời điểm trước nghỉ lễ 01 tuần và các tuần sau nghỉ lễ.

Chiều thứ Sáu hàng tuần học sinh toàn trường nghỉ học; CB, GV, NV thực hiện công tác hội họp và sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

Các hoạt động giáo dục ngoại khóa có thể tổ chức tại lớp học hoặc GV

chủ nhiệm bàn bạc với phụ huynh và báo cáo với Ban giám hiệu quyết định.

4.2. Đối với khối lớp 2:

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/ tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học 2025 - 2026 của khối lớp 2.

(Kèm theo Phụ lục 1.4 của khối lớp 2)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2.

Đối với khối lớp 2 thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức dạy học 2 buổi/ngày; mỗi ngày 7 tiết; mỗi tiết học 35 phút thực hiện 9 buổi/tuần = 28 tiết/ 1 tuần.

Môn Giáo dục địa phương có tổng thời lượng 22 tiết/năm học, được bố trí 01 tiết/tuần. Việc giảng dạy được thực hiện trong 12 tuần đầu của học kỳ I và 10 tuần đầu của học kỳ II. Các tuần còn lại không tổ chức dạy Giáo dục địa phương được bố trí dạy tiết tự chọn ôn tập, củng cố kiến thức các môn Toán và Tiếng Việt.

Dạy học tiếng Anh tự chọn 2 tiết /tuần đối với lớp 2A1, 2A2 với tổng số 58 học sinh, bảo đảm các yêu cầu được quy định trong Chương trình làm quen với tiếng Anh ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT

Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng được xây dựng chi tiết theo thời điểm trước nghỉ lễ 01 tuần và các tuần sau nghỉ lễ.

Chiều thứ Sáu hàng tuần học sinh toàn trường nghỉ học; CB, GV, NV thực hiện công tác hội họp và sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

Các hoạt động giáo dục ngoại khóa có thể tổ chức tại lớp học hoặc GV chủ nhiệm bàn bạc với phụ huynh và báo cáo với Ban giám hiệu quyết định.

4.3. Đối với khối lớp 3:

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/ tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học 2025 - 2026 của khối lớp 3.

(Kèm theo Phụ lục 1.4 của khối lớp 3)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3.

Đối với khối lớp 3 thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.; tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày; mỗi ngày 7 tiết; mỗi tiết học 35 phút; thực hiện 9 buổi/tuần = 33 tiết / tuần

Môn Giáo dục địa phương có tổng thời lượng 22 tiết/năm học, được bố trí 01 tiết/tuần. Việc giảng dạy được thực hiện trong 12 tuần đầu của học kỳ I và 10 tuần

đầu của học kỳ II. Các tuần còn lại không tổ chức dạy Giáo dục địa phương được bố trí dạy tiết tự chọn ôn tập, củng cố kiến thức các môn Toán và Tiếng Việt.

Thiện dạy tự chọn môn Tiếng Mông (2 tiết/tuần) ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng được xây dựng chi tiết theo thời điểm trước nghỉ lễ 01 tuần và các tuần sau nghỉ lễ.

Chiều thứ Sáu hàng tuần học sinh toàn trường nghỉ học; CB, GV, NV thực hiện công tác hội họp và sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

Các hoạt động giáo dục ngoại khóa có thể tổ chức tại lớp học hoặc GV chủ nhiệm bàn bạc với phụ huynh và báo cáo với Ban giám hiệu quyết định.

4.4. Đối với khối lớp 4:

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/ tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học 2025 - 2026 của khối lớp 4.

(Kèm theo Phụ lục 1.4 của khối lớp 4)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4.

Đối với khối lớp 4 thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.; tổ chức dạy học dạy học 2 buổi/ ngày; mỗi ngày 7 tiết; mỗi tiết học 35 phút; thực hiện 9 buổi/tuần = 34 tiết / tuần

Môn Giáo dục địa phương có tổng thời lượng 22 tiết/năm học, được bố trí 01 tiết/tuần. Việc giảng dạy được thực hiện trong 12 tuần đầu của học kỳ I và 10 tuần đầu của học kỳ II. Các tuần còn lại không tổ chức dạy Giáo dục địa phương được bố trí dạy tiết tự chọn ôn tập, củng cố kiến thức các môn Toán và Tiếng Việt.

Thực hiện dạy tự chọn môn Tiếng Mông (2 tiết/tuần) ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng được xây dựng chi tiết theo thời điểm trước nghỉ lễ 01 tuần và các tuần sau nghỉ lễ.

Chiều thứ Sáu hàng tuần học sinh toàn trường nghỉ học; CB, GV, NV thực hiện công tác hội họp và sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

Các hoạt động giáo dục ngoại khóa có thể tổ chức tại lớp học hoặc GV chủ nhiệm bàn bạc với phụ huynh và báo cáo với Ban giám hiệu quyết định.

4.5. Đối với khối lớp 5:

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/ tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học 2025 - 2026 của khối lớp 5.

(Kèm theo Phụ lục 1.4 của khối lớp 5)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5.

Đối với khối lớp 5 thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.; tổ chức dạy học dạy học học 2 buổi/ ngày; mỗi ngày 7 tiết; mỗi tiết học 35 phút; thực hiện 9 buổi/tuần = 33 tiết / tuần

Môn Giáo dục địa phương có tổng thời lượng 22 tiết/năm học, được bố trí 01 tiết/tuần. Việc giảng dạy được thực hiện trong 12 tuần đầu của học kỳ I và 10 tuần đầu của học kỳ II. Các tuần còn lại không tổ chức dạy Giáo dục địa phương được bố trí dạy tiết tự chọn ôn tập, củng cố kiến thức các môn Toán và Tiếng Việt.

Thiện dạy tự chọn môn Tiếng Mông (1 tiết/tuần) ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng được xây dựng chi tiết theo thời điểm trước nghỉ lễ 01 tuần và các tuần sau nghỉ lễ.

Chiều thứ Sáu hàng tuần học sinh toàn trường nghỉ học; CB, GV, NV thực hiện công tác hội họp và sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

Các hoạt động giáo dục ngoại khóa có thể tổ chức tại lớp học hoặc GV chủ nhiệm bàn bạc với phụ huynh và báo cáo với Ban giám hiệu quyết định.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tư tưởng chính trị, thi đua

Triển khai đầy đủ các văn bản, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước, của ngành đến tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Phối hợp chính quyền và các đoàn thể tuyên truyền, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng các cấp. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch. Tổ chức tốt các đợt thi đua và có sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm các phong trào thi đua, động viên, tuyên dương, khen thưởng kịp thời.

2. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Tham mưu với cấp trên tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có.

Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tu bổ, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

Xây dựng kế hoạch xã hội hóa giáo dục nhằm kêu gọi các nhà tài trợ để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học,

Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước kết hợp với các nguồn huy động xã hội hóa giáo dục để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất tăng cường trang thiết bị trong các lớp học, bổ sung đầu sách, truyện trang thiết bị xây dựng thư viện tiên tiến.

Tăng cường và tận dụng tối đa cơ sở vật chất nhà trường để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng kết hợp dạy học văn hóa với tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục tình cảm, đạo đức, giáo dục thể chất, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Tiếp tục tham mưu tăng cường CSVC phòng Tin học và Ngoại ngữ.

3. Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ

a) Thực hiện linh hoạt các giải pháp bố trí, sử dụng giáo viên

Thực hiện linh hoạt bố trí, sắp xếp đội ngũ giáo viên hiện có đảm bảo số lượng, cơ cấu để triển khai thực hiện dạy học 2 buổi/ngày đối với 100% các khối lớp. Có đủ đội ngũ giáo viên môn Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ để thực hiện việc giảng dạy Chương trình GDPT 2018.

b) Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên

Thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học theo hướng dẫn tại Công văn số 2184/KH-SGDĐT, ngày 29/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên năm học 2025 - 2026; số 09/KH-UBND, ngày 28/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã Na Sang về Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn chính trị hè năm 2025 cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS thuộc xã Na Sang;

Tiếp tục rà soát, bổ sung, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán các môn học và hoạt động giáo dục để thực hiện hiệu quả công tác bồi dưỡng theo hướng thường xuyên, liên tục, ngay tại trường, cụm trường. Gắn nội dung bồi dưỡng với sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp, hỗ trợ giáo viên xây dựng kế hoạch cá nhân, phát hiện kịp thời khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa theo thẩm quyền. Khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng bằng nhiều hình thức phù hợp; tiếp tục thực hiện đánh giá, bồi dưỡng thường xuyên thực chất theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ, khối, trường 2 buổi/tháng, mỗi buổi 3 tiết, mỗi tiết 45 phút; tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường theo kế hoạch của Cụm chuyên môn số 15 ban hành theo Quyết định số 1069/QĐ-SGDĐT ngày 13/8/2025 về việc thành lập các Cụm chuyên môn cấp Tiểu học; lựa chọn nội dung sinh hoạt cụm chuyên môn thiết thực, đáp ứng nhu cầu giáo viên, góp phần nâng cao năng lực giáo viên, tránh hình thức, chạy theo thành tích; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ quan sát lớp học, nghiên cứu bài học và khai thác các chuyên đề dạy học. Thời gian, địa điểm, nội dung sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường do các trường trong cụm thỏa thuận và thống nhất trong kế hoạch hành động.

Đối với đội ngũ giáo viên dạy các môn chuyên (Âm nhạc, Mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Tiếng Anh, Tin học) tổ chức bồi dưỡng thường xuyên trong năm học theo cụm trường hoặc liên kết giữa các cụm chuyên môn theo hình thức phù hợp với điều kiện của địa phương.

Tăng cường phối hợp và phát huy hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tại địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển năng lực, phẩm chất học sinh theo yêu cầu của Chương trình GDPT.

c. Đánh giá xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên trường tiểu học

Đánh giá xếp loại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường tiểu học thực hiện theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ GDĐT về chuẩn Hiệu trưởng trường tiểu học. Đánh giá xếp loại giáo viên tiểu học thực hiện theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông và các quy định hiện hành.

Đổi mới công tác quản lý đánh giá xếp loại cán bộ quản lý và giáo viên theo hướng chất lượng, hiệu quả, sáng tạo.

d. Thi giáo viên dạy giỏi, tổng phụ trách Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh giỏi

- Thẩm quyền tổ chức điều chỉnh theo quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025.

- Thi giáo viên giỏi cấp xã theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019; Hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh giỏi theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BGDĐT ngày 19/12/2012 và các văn bản hướng dẫn của của Bộ GDĐT

4. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ, khối, trường 2 buổi/tháng, mỗi buổi 3 tiết, mỗi tiết 45 phút; tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường theo kế hoạch của Cụm chuyên môn số 15 ban hành theo Quyết định số 1069/QĐ-SGDĐT ngày 13/8/2025 về việc thành lập các Cụm chuyên môn cấp Tiểu học; lựa chọn nội dung sinh hoạt cụm chuyên môn thiết thực, đáp ứng nhu cầu giáo viên, góp phần nâng cao năng lực giáo viên, tránh hình thức, chạy theo thành tích; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ quan sát lớp học, nghiên cứu bài học và khai thác các chuyên đề dạy học. Thời gian, địa điểm, nội dung sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường do các trường trong cụm thỏa thuận và thống nhất trong kế hoạch hành động.

Đối với đội ngũ giáo viên dạy các môn chuyên (Âm nhạc, Mĩ thuật, Giáo dục thể chất, Tiếng Anh, Tin học) tổ chức bồi dưỡng thường xuyên trong năm học theo cụm trường hoặc liên kết giữa các cụm chuyên môn theo hình thức phù hợp với điều kiện của địa phương.

Tăng cường phối hợp và phát huy hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tại địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển năng lực, phẩm chất học sinh theo yêu cầu của Chương trình GDPT

5. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Làm tốt công tác truyền thông giáo dục để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về GDTH; xây dựng kế hoạch truyền thông, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông trên địa bàn xã, kịp thời, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội.

Thực hiện tốt công tác truyền thông. Triển khai đổi mới giáo dục tiểu học theo chủ trương của ngành, nhà trường chủ động cung cấp thông tin cho cha mẹ học sinh và nhân dân biết qua các kênh thông tin truyền thông; đồng thời, sẵn sàng lắng nghe và thảo luận các vấn đề mới đang tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau để tạo lập sự đồng thuận và hỗ trợ của xã hội.

Tuyên truyền về các biện pháp ngăn ngừa các hành vi bạo hành đối với trẻ em, hành vi xâm hại hoặc ứng xử gây tổn thương đến thể chất, tinh thần học sinh.

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của trường, của Ngành, nhất là các hoạt động đổi mới, sáng tạo trong dạy và học, các tấm gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học để tạo sự lan tỏa, khích lệ các thầy, cô giáo, các em học sinh phấn đấu vươn lên.

Nhà trường tăng cường công tác phổ biến và hướng dẫn giáo viên thường xuyên cập nhật và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật.

6. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, dạy học lồng ghép các nội dung giáo dục.

Tổ chức các hoạt động Trải nghiệm sáng tạo theo công văn 3535/BGDĐTGDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ GD&ĐT.

Tổ chức giao lưu trò chơi dân gian, hát dân ca: Giao trách nhiệm cho Tổng phụ trách phân công cụ thể cho các khối lớp các trò chơi dân gian, bài hát dân ca phù hợp. Tổ chức cho học sinh chăm sóc các gia đình chính sách, tham quan các khu di tích lịch sử, đài tưởng niệm, viếng nghĩa trang liệt sĩ... Làm tốt công tác giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống văn hoá lịch sử ở địa phương cho học sinh, giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc thông qua công tác tuyên truyền, các hoạt động về nguồn, kỉ niệm các ngày lễ, các sự kiện trọng đại của đất nước: Phong trào “Uống nước nhớ nguồn”, “Tìm về địa chỉ đỏ”,...

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp gắn với thực tiễn đời sống, phù hợp đặc điểm tâm sinh lý HS tiểu học.

Chú trọng các hoạt động thực hành, lao động, văn hóa, thể thao, nghệ thuật, STEM, câu lạc bộ học tập, sân chơi trí tuệ.

Tạo cơ hội để HS vận dụng kiến thức vào thực tế, phát triển năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác.

Lồng ghép các nội dung giáo dục trong môn học và hoạt động giáo dục: Giáo dục đạo đức, lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, tư vấn tâm lý; giáo dục an toàn giao thông, triển khai tài liệu giáo dục ATGT cho HS tiểu học (QĐ 4667/QĐ-BGDĐT); giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư số

08/2024/TT-BGDĐT; giáo dục bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước, tiết kiệm năng lượng, phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu; giáo dục về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống xâm hại trẻ em, giáo dục sức khỏe, dinh dưỡng, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh cá nhân; giáo dục về quyền con người, quyền và bổn phận trẻ em, bình đẳng giới; giáo dục khởi nghiệp, an toàn trên môi trường mạng, kỹ năng công dân số; giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa địa phương, bảo tồn bản sắc dân tộc.

Phát triển văn hóa đọc: Duy trì hiệu quả thư viện xanh, thư viện thân thiện, thư viện lưu động, góc thư viện lớp học. Tổ chức tiết đọc sách, ngày hội đọc sách, phong trào “mỗi tuần một cuốn sách hay”.

Phối hợp với Đội TNTP Hồ Chí Minh, Hội đồng đội, các đoàn thể, cha mẹ HS để tổ chức hoạt động trải nghiệm, rèn kỹ năng sống. Gắn hoạt động trải nghiệm với lao động sản xuất, bảo vệ cảnh quan trường lớp, giữ gìn vệ sinh môi trường, xây dựng nếp sống văn minh, kỷ luật.

7. Thực hiện giáo dục STEM trong các môn học

Thực hiện theo Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 18/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục tiểu học, nhà trường triển khai giáo dục STEM từ lớp 1 đến lớp 5. Các môn học chủ đạo được lựa chọn để lồng ghép STEM gồm: Toán, Tự nhiên và Xã hội, Mỹ thuật, Khoa học, Tin học, Công nghệ.

Các bài học STEM được bố trí thay thế hoàn toàn vào một số tiết học trong chương trình chính khóa theo Kế hoạch giáo dục; đối với những bài học chưa tích hợp đủ nội dung kiến thức của môn học, giáo viên xây dựng kế hoạch dạy bổ sung vào các tiết tự chọn trong tuần nhằm đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng.

Nhà trường sử dụng nguồn học liệu giáo dục STEM tại địa chỉ website: <http://stemtieuhoc.edu.vn>, đồng thời tuyên truyền, vận động phụ huynh học sinh phối hợp mua SGK bài học STEM để phục vụ học tập. Tổ chuyên môn có trách nhiệm lựa chọn bài học phù hợp cho từng khối lớp, hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy STEM và tổ chức sinh hoạt chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng thực hiện.

8. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú

a) Dạy học 2 buổi/ngày

Nhà trường duy trì 100% học sinh được học 2 buổi/ngày, đảm bảo mỗi ngày không quá 07 tiết, mỗi tiết 35 phút; thực hiện 09 buổi/tuần

Buổi 1 tổ chức dạy học các môn học và hoạt động giáo dục theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018. Buổi 2 tổ chức các hoạt động củng cố kiến thức, rèn kỹ năng cho học sinh; đồng thời triển khai các hoạt động giáo dục về: STEM, văn hóa đọc, văn hóa học đường, đạo đức, kỹ năng sống, tài chính, trật tự an toàn giao thông, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể dục thể thao, nghệ thuật, tìm hiểu tự nhiên – xã hội – văn hóa – lịch sử – truyền thống địa

phương và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh.

Nhà trường căn cứ điều kiện thực tế về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất để bố trí thời gian khoa học, không gây áp lực cho học sinh, đồng thời đảm bảo thực hiện đủ các môn học theo chương trình; chú trọng đa dạng hóa hình thức dạy học như: tự học có hướng dẫn, học nhóm, học trải nghiệm, sinh hoạt câu lạc bộ,...

Triển khai thực hiện Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022 về việc tổ chức bữa ăn học đường kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh tiểu học; nhà trường tổ chức bữa ăn bán trú bảo đảm an toàn, dinh dưỡng, kết hợp các hoạt động vận động phù hợp.

b) Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh bán trú

Từng bước đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ công tác bán trú, đồng thời kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023 của Bộ GDĐT về Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú.

Thực hiện quản lý học sinh bán trú theo Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 27/6/2011 của Bộ GDĐT về Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; chú trọng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, rèn luyện nề nếp, kỹ năng tự phục vụ cho học sinh bán trú và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh.

9. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật, lớp học linh hoạt, lớp ghép

a. Đối với trẻ khuyết tật

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với 07 học sinh khuyết tật đang học hòa nhập tại 07 lớp; tăng cường các giải pháp giáo dục hòa nhập tại đơn vị. Bố trí các em học tập cùng bạn bè, được xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp với năng lực và dạng tật.

Thực hiện nghiêm các văn bản quy định về giáo dục người khuyết tật (Luật Người khuyết tật 2010; Luật Giáo dục 2019; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC và các Thông tư sửa đổi, bổ sung liên quan).

Bảo đảm học sinh khuyết tật được học tập theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy mức độ, học sinh có thể được miễn một số nội dung hoặc môn học nhưng vẫn được tạo điều kiện để hòa nhập, phát triển năng lực.

Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch giáo dục hòa nhập cho từng học sinh; phân công giáo viên phụ trách; tổ chức đánh giá theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của các em, kết quả được ghi trong sổ theo dõi học sinh khuyết tật.

b) Thực hiện lớp học linh hoạt, lớp ghép

Căn cứ điều kiện thực tế, nhà trường tổ chức lớp học linh hoạt, lớp ghép

để đảm bảo quyền lợi học tập của học sinh vùng khó khăn.

Mỗi lớp ghép bố trí không quá 25 học sinh, giáo viên dạy lớp ghép được hưởng chế độ phụ cấp theo Quyết định số 15/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

10. Dạy học tăng cường tiếng Việt và dạy học song ngữ cho học sinh dân tộc thiểu số

Dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc qua các môn học và hoạt động giáo dục. Thường xuyên rèn kỹ năng nghe, nói (phát âm), viết chính tả cho học sinh lớp 1, 2, 3. Thực hiện dạy học tăng cường Tiếng Việt cho học sinh thông qua tiết tự chọn Tiếng Việt, các hoạt động giáo dục và các tiết học khác trong chương trình dạy học.

Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy tập làm văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp.

Thực hiện linh hoạt các giải pháp nâng cao chất lượng nghe, nói, đọc viết cho học sinh trong quá trình giảng dạy các môn học cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu tiếng Việt, ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, duy trì thư viện góc lớp, thư viện xanh, thư viện lưu động và tiết học tại thư viện nhà trường.

Việc dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số sử dụng các tài liệu đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt (*Quyết định số 189/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2020 dành cho giáo viên lớp 2 và học sinh lớp 2; Quyết định số 733/QĐ-BGDĐT ngày 19/02/2021 dành cho giáo viên lớp 3 và học sinh lớp 3*).

Thực hiện dạy Tiếng Việt cho học sinh là người dân tộc trước khi vào lớp 1 theo thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo. Các lớp 2,3 Xây dựng kế hoạch và thực hiện dạy tăng cường Tiếng Việt 1 tiết/tuần. Cụ thể:

+ Lớp 1: Dạy nền nếp học tập, giao tiếp, sử dụng kí hiệu trong quá trình dạy học, hướng dẫn học sinh cách sử dụng bút, thước, bảng con, sách, vở, tư thế ngồi viết....

+ Lớp 2,3: Thực hiện dạy 1 tiết/tuần nội dung trong Sách Tăng cường Tiếng Việt dành cho học sinh Tiểu học vùng dân tộc thiểu số lớp 2,3. Nội dung hoạt động nghe-nói, hoạt động đọc được dạy trong tiết Tăng Cường Tiếng Việt; nội dung Viết (Hoạt động viết đúng và viết sáng tạo) thực hiện dạy trong tiết tự chọn Tiếng Việt.

- Sử dụng giáo dục song ngữ trong các môn học ở lớp 1,2,3: Tiếng Việt, Toán, Tự nhiên xã hội, giúp học sinh hiểu rõ hơn nội dung bài học, tăng cường kỹ năng, tự tin khi giao tiếp, dễ dàng hòa nhập vào môi trường học tập chung từ đó tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả hơn.

11. Tổ chức tiết đọc thư viện

Thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản số 5750 /BGDDĐT- GDTH ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v tổ chức hoạt động thư viện trong trường tiểu học từ năm học 2020 - 2021

Chỉ đạo sát sao việc rà soát sách truyện, lên kế hoạch các tiết đọc sách thư viện ở từng khối lớp ngay từ đầu năm học

Tiết đọc sách thư viện được sắp xếp linh hoạt trong thời khóa biểu mỗi khối lớp thực hiện 1 tiết/ tuần.

Tiết đọc tại thư viện được tổ chức với nhiều hình thức khác nhau. Ngoài các giờ chính khóa, khuyến khích học sinh đọc sách trong giờ ra chơi, ngoài giờ học, mượn sách về nhà đọc.

Tổ chức đa dạng các tiết đọc sách thư viện với nhiều hình thức hoạt động khác nhau: Đọc to nghe chung, đọc cặp đôi, đọc cá nhân, hoạt động cùng đọc; Tổ chức ngày đọc sách, đọc sách theo chủ đề giúp HS tương tác với sách thông qua các hoạt động đọc sách; kết nối giữa HS, cha mẹ học sinh và nhà trường trong việc hỗ trợ HS đọc sách, duy trì việc đọc thường xuyên nhằm hình thành và phát triển thói quen đọc cho HS.

Triển khai Ứng dụng “Vui đọc cùng em”. Đăng ký tạo tài khoản Ứng dụng “Vui đọc cùng em” cho cán bộ quản lý, giáo viên làm công tác chủ nhiệm. Tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo viên, hướng dẫn giáo viên cài đặt và sử dụng Ứng dụng “Vui đọc cùng em” trong các hoạt động dạy học trên lớp, hỗ trợ học sinh học ở nhà và ngoài thời gian học chính khóa.

12. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kĩ năng.

Trong mỗi tiết dạy cần quan tâm đến từng đối tượng học sinh, quan tâm phát triển năng lực cho học sinh vượt trội, chú ý giúp đỡ đối tượng học sinh khó khăn trong học tập.

Tăng cường bồi dưỡng, phụ đạo trong các tiết học chính khóa và tiết tăng thêm theo hình thức dạy phân hóa đối tượng học sinh.

Khuyến khích các em đăng ký tham gia sân chơi Toán, TV, Tiếng Anh trên mạng.

Tăng cường các lớp học sinh bán trú buổi tối, dạy học phân loại đối tượng học sinh buổi tối.

13. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số

a. Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học, quản lý

Xây dựng và thực hiện kế hoạch triển khai Đề án “*Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GD&ĐT giai đoạn 2022–2025, định hướng đến 2030*” phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Đầu tư, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị CNTT; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ, giáo viên.

100% cán bộ quản lý, giáo viên khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống “Trường học kết nối”, “Hành trang số”, hệ thống LMS; tích cực xây dựng, chia sẻ bài giảng điện tử, học liệu số.

Ứng dụng phần mềm quản lý trường tiểu học, phần mềm EQMS, cơ sở dữ liệu ngành (csdl.moet.gov.vn), phần mềm PCGD–XMC, phần mềm dạy học trực tuyến, ...

Cán bộ, giáo viên, nhân viên tiếp tục sử dụng hồ sơ điện tử (hồ sơ chuyên môn, thư viện, y tế, Đội TNTP, kế hoạch tuần...) để quản lý trên môi trường số; báo cáo danh sách về Sở GD&ĐT đúng quy định.

b. Giáo dục kỹ năng công dân số

Tổ chức tuyên truyền, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên về vai trò, ý nghĩa của giáo dục kỹ năng số trong GDPT tiểu học.

Thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh thông qua môn Tin học và tích hợp trong các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn tại Công văn 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024.

Nội dung tập trung: kỹ năng sử dụng công nghệ số an toàn, an ninh mạng, ứng dụng nền tảng mở, phần mềm mã nguồn mở; hình thành sớm kỹ năng công dân số cho học sinh.

c. Triển khai học bạ số

100% học sinh tiểu học thực hiện học bạ số theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Chỉ thị 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Hiệu trưởng :

Lãnh đạo điều hành toàn bộ công việc của trường, chịu trách nhiệm trước UBND xã, Sở Giáo dục và Đào tạo về hoạt động của nhà trường.

Xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động giáo dục; xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; kế hoạch kiểm tra nội bộ; kế hoạch tổ chức dạy các môn tự chọn...

Tham mưu với chính quyền địa phương và Sở Giáo dục về các hoạt động giáo dục của nhà trường, địa phương.

Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể chính trị; phát huy dân chủ trong công tác để đạt hiệu quả cao trong các hoạt động quản lý, điều hành.

Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học. Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường; Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Thành lập Ban chỉ đạo hoạt động trải nghiệm. Thành lập Hội đồng tổ chức Kiểm tra định kỳ; Hội đồng nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh năm học. Hội đồng thi đua

khen thưởng. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học, các hoạt động giáo dục.

2. Đối với Phó hiệu trưởng

Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn toàn trường, thư viện thiết bị, quản lý các phần mềm, hồ sơ công việc liên quan đến các hoạt động giáo dục, tổ chức tập huấn cho CBGVNV Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên nghiên cứu, và lựa chọn các môn học, bài dạy phù hợp để xây dựng kế hoạch dạy học STEM, Hoạt động STEM.

Chỉ đạo, tổ chức xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa. Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn và các hoạt động liên quan đến giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Duyệt các kế hoạch sinh hoạt chuyên môn, kế hoạch hoạt động giáo dục.

Tham mưu với Hiệu trưởng rà soát quy hoạch mạng lưới trường học, trang thiết bị CSVC của nhà trường. Tham mưu cho Hiệu trưởng công tác chuyên môn, bồi dưỡng chất lượng đội ngũ giáo viên, các giải pháp nâng cao chất lượng học sinh, đội ngũ giáo viên.

3. Đối với tổ trưởng chuyên môn

Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình (đối với tổ chuyên môn); theo kế hoạch công tác (đối với tổ văn phòng) và các quy định của cơ quan quản lý cấp trên.

Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (đối với tổ chuyên môn), tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong tổ (đối với cả tổ chuyên môn và tổ văn phòng) theo kế hoạch của nhà trường.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ/ khối theo quy định (2 lần/tháng).

Triển khai các kế hoạch giáo dục nhà trường đến các thành viên trong tổ.

Thực hiện chế độ giao ban, báo cáo theo lịch của BGH.

4. Đối với Tổng phụ trách đội TNTPHCM

Phát động, tuyên truyền phong trào trường học hạnh phúc.

Thành lập Ban chỉ huy liên đội, các sao nhi đồng tổ chức và thực hiện mọi hoạt động phong trào của nhà trường;

Phối kết hợp với ban chuyên môn trường, các tổ khối trưởng chuyên môn, các giáo viên xây dựng, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào học sinh của nhà trường;

Xây dựng kế hoạch đội, xây dựng bộ tiêu chí thi đua của Liên đội.

5. Đối với giáo viên chủ nhiệm

Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;

Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu; chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học/ lớp mình đảm nhiệm;

Phối kết hợp với các ban, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;

Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;

Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.

Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học. Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

6. Đối với giáo viên phụ trách môn học

- Xây dựng kế hoạch dạy học tuần theo môn học phụ trách, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;

Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu; chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học mình đảm nhiệm;

Phối kết hợp với các GVCN, các đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;

Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;

Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.

Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7. Giáo viên kiêm nhiệm Thư viện và Thiết bị

Tổ chức, quản lý hoạt động của thư viện + thiết bị;

Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thư viện + thiết bị;

Tuyên truyền đề CBGV, NV và học sinh tích cực đọc sách;

Tổ chức “Tuần lễ học tập suốt đời”; “Ngày sách Việt Nam”; tổ chức ngày hội đọc sách...

Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

8. Đối với nhân viên

8.1. Nhân viên Y tế

Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học.

Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường

Tư vấn sức khỏe, vệ sinh phòng dịch cho CBGV, NV và học sinh.

Tham gia kiểm tra, xây dựng trường học (xanh - sạch - đẹp), an toàn vệ sinh.

Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khỏe HS, lập sổ sức khỏe, phiếu khám sức khỏe định kì. Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo qui định của BGDDT, Bộ Y tế.

Phối hợp với công ty bảo hiểm phổ biến chế độ bảo hiểm tới GV, HS và phụ huynh HS của nhà trường.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

8.2. Nhân viên kế toán

Lên dự kiến kế hoạch, thu chi cả năm, quý, tháng.

Quyết toán tài chính đúng qui định, thời gian.

Quản lý lao động, tiền lương của GV, CB, NV, giải quyết các thủ tục chế độ giáo viên theo quy định.

Kết hợp với GV chủ nhiệm rà soát nhu cầu kinh phí cho HS và giải quyết chế độ cho HS theo qui định.

Thẩm định giá các hợp đồng kinh tế. Hoạch toán chi sinh hoạt cho HS bán trú.

Quản lý tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

8.3. Nhân viên văn thư

Tiếp nhận, quản lý, sử dụng và điều phối con dấu bộ phận của trường học theo đúng sự phân công quy định. Đồng thời, lưu trữ, bảo quản và kiểm soát ra vào những văn bản giấy tờ là bản chính, bản sao đã được đóng dấu, chịu trách nhiệm hướng dẫn, xin chữ ký ban giám hiệu và những công việc liên quan đến con dấu.

Vào sổ, đóng dấu những tài liệu nội bộ trường học

Kiểm tra, tiếp nhận, xử lý, bảo quản, lưu trữ và báo cáo những tài liệu, hồ sơ, văn thư gửi đến, gửi đi trong trường học, báo cáo từng bộ phận liên quan để tránh tình trạng gián đoạn hay mất mát tài liệu.

Soạn thảo văn bản hành chính liên quan.

In ấn, phô tô tài liệu.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

8.4. Nhân viên bảo vệ

Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản của nhà trường, của GV, HS.

Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường.

Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026 được Ban giám hiệu trường PTDTBT tiểu học Ma Thị Hồ cùng các tổ chức đoàn thể, các tổ khối chuyên môn và cán bộ công nhân viên nhà trường xây dựng mang tinh thần tập thể cao. Sau khi kế hoạch được phê duyệt, các đoàn thể, các tổ chuyên môn, cán bộ công nhân viên nhà trường chịu trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- UBND xã Na Sang (B/c);
- Website trường;
- Các đoàn thể, VP (P/h);
- Các tổ khối CM (T/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Trung Nhân